

**Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con**  
***Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị***  
***Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất***  
***cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010***

## MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30/6/2010	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 27

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

---

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Nhóm Công ty”) đã được kiểm toán cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010.

### 1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên HĐQT
Ông Ma Đức Tú	Thành viên HĐQT
Ông Võ Hữu Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Đào Việt Thắng	Trưởng ban kiểm soát
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết	Thành viên ban kiểm soát
Bà Vũ Thị Thanh Quyên	Thành viên ban kiểm soát

### 2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc

### 3. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính đặt tại: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Các đơn vị trực thuộc**

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh tại Hà Nội	Tầng 7, tòa nhà Simco, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng	76 – 78 Bạch Đằng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

#### **Các công ty con**

- Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu
-------------------------	--

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

---

- Công ty Cổ phần Hải Việt	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Tp Hà Nội
- Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, Tp.HCM
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Tp.HCM

#### 4. Các hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở); Xây dựng, lắp đặt công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất; Lập dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà, mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm; Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hóa nội địa và xuất khẩu.

#### 5. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Nhóm Công ty vào ngày 30/6/2010 và kết quả hoạt động cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 27.

#### 6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

#### 7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Nhóm Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

#### 8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

#### 9. Kiểm toán viên

Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010.

#### 10. Công bố trách nhiệm của Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

động của nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

**11. Phê duyệt của Hội đồng quản trị**

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo hợp nhất. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010.

**Thay mặt Hội đồng Quản trị**

---

**NGUYỄN NGỌC ANH**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 01 tháng 8 năm 2010

Số: /BCKT

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về báo cáo tài chính hợp nhất cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010  
của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con

## **Kính gửi : CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (“Công ty”) và các Công ty con (“Nhóm Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30/6/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010, được lập ngày 01 tháng 8 năm 2010, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con ngày 30/6/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010

đến 30/6/2010 và được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**P.GIÁM ĐỐC**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**NGUYỄN VĂN TUYÊN**

Chứng chỉ KTV số: Đ.0111/KTV

*Thay mặt và đại diện*

**Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2010

**HỒ ĐẮC HIẾU**

Chứng chỉ KTV số: 0458/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

*Ngày 30 tháng 6 năm 2010*

*Đơn vị tính: VND*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>1.323.658.100.513</b>	<b>1.264.877.314.285</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>107.052.628.509</b>	<b>64.397.514.413</b>
1. Tiền	111		99.694.226.273	45.476.555.238
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.358.402.236	18.920.959.175
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.02	<b>59.322.499.751</b>	<b>56.787.157.799</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		60.600.989.658	59.021.435.148
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.278.489.907)	(2.234.277.349)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	V.03	<b>732.877.720.278</b>	<b>702.906.466.535</b>
1. Phải thu khách hàng	131		720.257.890.349	693.516.058.809
2. Trả trước cho người bán	132		8.791.956.748	7.481.003.580
3. Các khoản phải thu khác	135		4.762.224.729	2.918.755.694
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(934.351.548)	(1.009.351.548)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.04	<b>388.493.931.235</b>	<b>338.865.214.483</b>
1. Hàng tồn kho	141		388.493.931.235	338.865.214.483
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	V.05	<b>35.911.320.740</b>	<b>101.920.961.055</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		641.653.547	318.427.667
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.588.579.856	18.052.071.332
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		3.000.000	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		14.678.087.337	83.550.462.056
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>323.915.410.373</b>	<b>298.246.220.043</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>233.225.403.246</b>	<b>204.822.141.785</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.06	90.090.380.117	55.425.113.907
- Nguyên giá	222		120.141.150.052	79.382.573.788
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.050.769.935)	(23.957.459.881)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.07	19.468.097.502	22.060.465.502
- Nguyên giá	225		31.419.205.502	31.419.205.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(11.951.108.000)	(9.358.740.000)
3. TSCĐ vô hình	227	V.08	54.612.850.564	54.898.058.232
- Nguyên giá	228		55.384.841.676	55.372.841.676
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(771.991.112)	(474.783.444)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	69.054.075.063	72.438.504.144
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>78.215.699.673</b>	<b>80.089.382.561</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	1.708.571.673	5.372.254.561
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	82.332.207.200	80.542.207.200
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.11	(5.825.079.200)	(5.825.079.200)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.955.011.521</b>	<b>4.299.079.264</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	834.530.311	1.178.598.054
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.13	3.120.481.210	3.120.481.210
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	V.14	<b>8.519.295.933</b>	<b>9.035.616.433</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.647.573.510.886</b>	<b>1.563.123.534.328</b>

*Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính*



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

*Ngày 30 tháng 6 năm 2010*

*Đơn vị tính: VND*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>1.299.540.259.270</b>	<b>1.251.352.038.044</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.248.429.444.903</b>	<b>1.216.607.847.434</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	573.519.879.204	501.445.645.305
2. Phải trả người bán	312	V.16	428.938.226.915	514.134.999.062
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	223.941.805.722	184.612.363.690
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.17	13.254.806.052	7.942.650.483
5. Phải trả người lao động	315		1.322.928.756	3.842.993.589
6. Chi phí phải trả	316	V.18	2.112.614.138	2.071.132.203
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.19	377.504.931	214.389.561
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.961.679.185	2.343.673.541
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>51.110.814.367</b>	<b>34.744.190.610</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.20	1.131.000.000	1.131.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	49.945.289.930	33.539.819.173
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		34.524.437	73.371.437
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	V.22	<b>345.018.569.531</b>	<b>309.172.596.873</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>345.018.569.531</b>	<b>309.172.596.873</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		146.594.630.000	146.594.630.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		59.924.599.600	59.924.599.600
3. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(142.489.800)	(142.489.800)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		2.010.799.188	(1.579.597.559)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		54.678.838.714	33.522.560.867
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.362.197.730	6.319.754.537
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		72.589.994.099	64.533.139.228
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>C. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>	V.23	<b>3.014.682.085</b>	<b>2.598.899.411</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.647.573.510.886</b>	<b>1.563.123.534.328</b>
			-	-
<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng - USD			959,304.82	40,717.10
6. Dự toán chi hoạt động			-	-

*Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính*

**NGUYỄN VĂN LÂM**

Kế toán trưởng

Ngày 01 tháng 8 năm 2010

**NGUYỄN NGỌC ANH**

Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010</b>	<b>Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>2.854.362.527.825</b>	<b>2.129.343.557.668</b>
<i>Trong đó: Doanh thu hàng xuất khẩu</i>			<i>49.402.468.001</i>	<i>25.757.107.867</i>
2. Các khoản giảm trừ	02		1.660.417.662	3.182.156.795
<b>3. Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>VI.24</b>	<b>2.852.702.110.163</b>	<b>2.126.161.400.873</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.25	2.721.866.221.862	2.066.183.465.432
<b>5. Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>130.835.888.301</b>	<b>59.977.935.441</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	16.798.163.312	7.375.423.281
7. Chi phí tài chính	22	VI.27	43.846.276.195	9.437.294.802
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		<i>38.756.232.393</i>	<i>8.883.420.514</i>
<i>Chi phí dự phòng (hoàn nhập) đầu tư tài chính</i>			<i>(955.787.442)</i>	<i>(3.205.795.272)</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.28	30.347.760.050	18.574.913.650
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.29	15.645.856.287	9.205.624.465
<b>10. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>57.794.159.081</b>	<b>30.135.525.805</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.30	1.843.271.411	2.007.513.438
12. Chi phí khác	32	VI.31	1.091.252.349	934.983.232
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>752.019.062</b>	<b>1.072.530.206</b>
14. Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh / (lỗ)	45		(123.001.788)	-
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>58.423.176.355</b>	<b>31.208.056.011</b>
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.32	7.480.364.722	3.529.901.214
17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>50.942.811.633</b>	<b>27.678.154.797</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho:</b>				
19. Cổ đông thiểu số	61		486.868.344	177.232.106
20. Cổ đông Công ty mẹ	62		50.455.943.289	27.500.922.691
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.33</b>	<b>3.443</b>	<b>2.502</b>

NGUYỄN VĂN LÂM

Kế toán trưởng

Ngày 01 tháng 8 năm 2010

NGUYỄN NGỌC ANH

Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>58.423.176.355</b>	<b>31.208.056.011</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.507.047.311	6.710.720.674
Các khoản dự phòng	03	(1.030.787.442)	(3.205.795.272)
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(7.576.147.395)	(5.969.877.483)
Chi phí lãi vay	06	38.756.232.393	8.880.590.268
<b>Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>99.079.521.222</b>	<b>37.623.694.198</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(34.267.876.025)	(134.271.368.570)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(49.628.716.752)	(36.690.276.300)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(20.215.523.656)	243.362.667.843
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	537.162.363	443.942.741
Tiền lãi vay đã trả	13	(37.711.643.511)	(8.880.590.268)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.884.333.898)	(1.460.797.301)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	70.704.488.477	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(31.469.898.686)	(4.618.927.584)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(6.856.820.466)</b>	<b>95.508.344.759</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(35.794.832.724)	(21.960.038.002)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	888.399.727	911.406.404
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	(800.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(315.649.294.498)	(353.443.434.326)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	306.743.422.876	130.124.502.986
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.366.730.525	5.970.273.534
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(27.245.574.094)</b>	<b>(238.397.289.404)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	2.028.770.674.244	671.284.753.437
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.936.276.567.000)	(545.735.741.308)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(4.014.402.588)	(3.230.510.634)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(11.722.196.000)	(13.194.073.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>76.757.508.656</b>	<b>109.124.427.695</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	64.397.514.413	180.889.165.564
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
<b>Tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>107.052.628.509</b>	<b>147.124.648.614</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

**NGUYỄN VĂN LÂM**

Kế toán trưởng

Ngày 01 tháng 8 năm 2010

**NGUYỄN NGỌC ANH**

Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

**I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (“Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 6 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0303522206 ngày 29/7/2009.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 146.594.630.000 đồng.

**2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc**

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SMC TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt: SMC J.S.C.

- Trụ sở chính đặt tại: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Hà Nội và Chi nhánh Đà Nẵng.

Các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có con dấu riêng; có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và hạch toán phụ thuộc Công ty.

**3 Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

**4. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở);

- Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;

- Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất;

- Lập dự án đầu tư xây dựng;

- Kinh doanh nhà;

- Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm;

- Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

**5. Tổng số công nhân viên:** 313 người.

**6. Tổng số các Công ty con** 06 Công ty.

**7. Tổng số các Công ty liên doanh, liên kết** 01 Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**8. Danh sách các Công ty con và Công ty liên kết**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
<i>Công ty TNHH Thép SMC</i>	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100%	100%
<i>Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương</i>	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%
<i>Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC</i>	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%
<i>Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước</i>	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, Tp.HCM	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%
<i>Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC</i>	124 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Tp.HCM	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%
<i>Công ty Cổ phần Hải Việt</i>	Lô số 47, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, Tp Hà Nội	Nuôi trồng thủy sản, sản xuất, thương mại và dịch vụ	60%	60%
<i>Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt</i>	147/6 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp.HCM	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	35%	35%

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

**III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng**

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không chủ định trình bày nhằm cung cấp các thông tin tài chính theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài Việt Nam.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng**

**1. Hợp nhất báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 30 tháng 6 hàng năm. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

## **2. Đầu tư vào Công ty liên kết**

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Nhóm Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn sở hữu tương ứng của Nhóm Công ty. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

## **3. Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

## **4. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

**5. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng là Đồng Việt Nam (“VND”) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính như sau:

- Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận như sau:

+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản công nợ dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**6. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp nhập sau xuất trước

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho** được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**7. Phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi** thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

**Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán**

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

**Khấu hao tài sản cố định**

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại thông tư 203/2009/TT/BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 10 năm
Máy móc thiết bị	05 - 07 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Quyền sử dụng đất	39 năm
Phần mềm kế toán	02 - 03 năm

**9. Hợp đồng thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

	Máy móc thiết bị
Thời gian khấu hao	6 năm

**10. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty con được phân bổ trong thời gian 10 năm, bất lợi thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty con được ghi nhận vào thu nhập trên báo cáo tài chính hợp nhất.

**11. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

**Dự phòng trợ cấp mất việc làm:** Công ty trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm y tế và xã hội.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

**12. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp**

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 22%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 20% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 8,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

**13. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**14. Chi phí lãi vay**

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

**15. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

**16. Ghi nhận chi phí**

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

**17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con ("Nhóm Công ty") có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang (nếu có). Nhóm Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC được miễn thuế trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo. Bên cạnh đó, Công ty được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 02 năm 2009 và 2010 do có chứng khoán niêm yết lần đầu theo công văn số 10997/BTC-CST ngày 08/9/2006 của Bộ Tài Chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

- Công ty TNHH Thép SMC được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh. Đối với hoạt động gia công, được miễn thuế 1 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 4 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm tài chính thứ ba Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động gia công.

- Công ty Cổ phần Hải Việt được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm tài chính thứ ba Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Tiền thuế đất được miễn 11 năm kể từ khi Dự án đi vào hoạt động.

Hiện tại, Nhóm Công ty đang được hưởng ưu đãi về thuế như đã đề cập ở trên. Số thuế phải nộp do Nhóm Công ty tự xác định sẽ được điều chỉnh lại khi có biên bản kiểm tra quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp từ cơ quan Thuế.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

**Thuế hiện hành**

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

**18. Nguyên tắc ghi nhận vốn**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán**

<b>1. Tiền</b>	30/6/2010	01/01/2010
Tiền mặt	763.625.061	1.026.862.594
Tiền gửi ngân hàng (VND)	81.141.255.930	42.878.720.557
Tiền gửi ngân hàng (USD)	17.789.345.282	1.570.972.087
Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng	7.358.402.236	18.920.959.175
<b>Cộng</b>	<b>107.052.628.509</b>	<b>64.397.514.413</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>2. Đầu tư ngắn hạn</b>		30/6/2010	01/01/2010
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(*)	8.603.753.560	10.436.648.148
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng		51.997.236.098	48.584.787.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(*)	(1.278.489.907)	(2.234.277.349)
<b>Cộng</b>		<b>59.322.499.751</b>	<b>56.787.157.799</b>

(\*) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 30/6/2010

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Ngân hàng TMCP Á Châu	634	29.106.521	(5.521.721)	23.584.800
Ngân hàng CP Ngoại Thương	11.000	634.914.285	(117.914.286)	516.999.999
CN Công ty XD PTĐT Đà Lạt	25.000	345.000.000	-	345.000.000
Công ty CP Khoáng sản Bình Dương	107.660	3.517.840.854	-	3.517.840.854
CN Công ty XD PTĐT Đà Lạt	20.000	338.000.000	(56.000.000)	282.000.000
Công ty Inlaco Sài Gòn	55.000	1.830.000.000	(730.000.000)	1.100.000.000
Công ty Tư vấn XD Tổng hợp	29.714	632.908.200	(127.770.200)	505.138.000
Công ty CP Bao bì Sài Gòn	70.000	725.000.000	-	725.000.000
Công ty CP Đại lý Hàng Hải	11.200	420.483.700	(241.283.700)	179.200.000
Công ty CP Thép Pomina	3.000	130.500.000	-	130.500.000
<b>Cộng</b>		<b>8.603.753.560</b>	<b>(1.278.489.907)</b>	<b>7.325.263.653</b>

<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		30/6/2010	01/01/2010
Phải thu khách hàng		720.257.890.349	693.516.058.809
Trả trước cho người bán		8.791.956.748	7.481.003.580
Phải thu khác	(3.1)	4.762.224.729	2.918.755.694
<b>Cộng</b>	(3.2)	<b>733.812.071.826</b>	<b>703.915.818.083</b>
Dự phòng phải thu khó đòi		(934.351.548)	(1.009.351.548)
<b>Cộng</b>		<b>732.877.720.278</b>	<b>702.906.466.535</b>

<b>(3.1) Bao gồm:</b>		30/6/2010	01/01/2010
- Lãi ký quỹ phải thu		491.210.254	1.884.671.254
- Lãi tiền gửi tiết kiệm phải thu		452.228.727	693.047.301
- Phải thu tiền bán chứng khoán		3.705.536.500	-
- Phải thu tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng		-	197.351.000
- Các khoản khác		113.249.248	143.686.139
<b>Cộng</b>		<b>4.762.224.729</b>	<b>2.918.755.694</b>

(3.2) Trong đó, bao gồm các khoản trả trước cho người bán có gốc ngoại tệ là 15,000.00 USD tương đương 278.160.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

4. Hàng tồn kho	30/6/2010	01/01/2010
Công cụ, dụng cụ	3.952.381	14.072.381
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (hàng gửi gia công)	29.795.247.352	33.366.503.398
Thành phẩm tồn kho	6.596.700.287	4.782.041.265
Hàng hoá	352.098.031.215	300.702.597.439
Cộng	<u>388.493.931.235</u>	<u>338.865.214.483</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b><u>388.493.931.235</u></b>	<b><u>338.865.214.483</u></b>

5. Tài sản ngắn hạn khác	30/6/2010	01/01/2010
Chi phí trả trước ngắn hạn	641.653.547	318.427.667
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	20.588.579.856	18.052.071.332
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	3.000.000	-
Các khoản tạm ứng	3.439.586.300	156.356.000
Ký quỹ mua hàng hóa - VND	2.531.500.000	54.560.375.799
Ký quỹ mua hàng hóa (469,531.98 USD)	8.707.001.037	28.833.730.257
<b>Cộng</b>	<b><u>35.911.320.740</u></b>	<b><u>101.920.961.055</u></b>

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	29.443.650.786	19.009.688.787	16.870.287.534	14.058.946.681	79.382.573.788
Mua mới	-	31.011.501.177	11.905.117.533	45.102.000	42.961.720.710
Giảm do nhượng bán	-	1.702.942.857	500.201.589	-	2.203.144.446
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>29.443.650.786</u></b>	<b><u>48.318.247.107</u></b>	<b><u>28.275.203.478</u></b>	<b><u>14.104.048.681</u></b>	<b><u>120.141.150.052</u></b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	8.703.975.762	6.156.984.906	7.341.359.773	1.755.139.440	23.957.459.881
Tăng	1.495.464.354	3.255.591.096	1.404.249.060	1.462.167.133	7.617.471.643
Giảm	-	1.023.960.000	500.201.589	-	1.524.161.589
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>10.199.440.116</u></b>	<b><u>8.388.616.002</u></b>	<b><u>8.245.407.244</u></b>	<b><u>3.217.306.573</u></b>	<b><u>30.050.769.935</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	20.739.675.024	12.852.703.881	9.528.927.761	12.303.807.241	55.425.113.907
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>19.244.210.670</u></b>	<b><u>39.929.631.105</u></b>	<b><u>20.029.796.234</u></b>	<b><u>10.886.742.108</u></b>	<b><u>90.090.380.117</u></b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 2.301.153.679 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

<b>7. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	Máy móc thiết bị	Cộng
<b>Nguyên giá</b>	<b>31.419.205.502</b>	<b>31.419.205.502</b>
Khấu hao phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2010	2.592.368.000	2.592.368.000
Khấu hao lũy kế	11.951.108.000	11.951.108.000
<b>Giá trị còn lại (30/6/2010)</b>	<b>19.468.097.502</b>	<b>19.468.097.502</b>

**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	55.169.024.460	203.817.216	55.372.841.676
Tăng	-	12.000.000	12.000.000
Giảm	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ (*)</b>	<b>55.169.024.460</b>	<b>215.817.216</b>	<b>55.384.841.676</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	344.238.484	130.544.960	474.783.444
Tăng	278.888.068	18.319.600	297.207.668
Giảm	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>623.126.552</b>	<b>148.864.560</b>	<b>771.991.112</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	54.824.785.976	73.272.256	54.898.058.232
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>54.545.897.908</b>	<b>66.952.656</b>	<b>54.612.850.564</b>

Nguyên giá phần mềm kế toán đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 119.362.560 đồng.

(\*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng vô thời hạn tại 396 Ung Văn Khiêm, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM trị giá 33.607.900.000 đồng; và quyền sử dụng đất có thời hạn 42 năm (đến tháng 11 năm 2046) tại Khu Công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương trị giá 2.349.927.620 đồng, quyền sử dụng đất có thời hạn 40 năm (đến 29/12/2048) tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Nhà Bè, Tp.HCM trị giá 18.861.911.706 đồng, quyền sử dụng đất (chi phí đến bù) có thời hạn đến tháng 7/2052 tại Khu Công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc (nay là Thành phố Hà Nội) trị giá 349.285.134 đồng.

**9. Xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2010	01/01/2010
Mua sắm TSCĐ	13.873.732.868	34.028.672.064
Công trình nhà kho tại Đồng An - Bình Dương	4.463.158.009	4.463.158.009
Công trình xây dựng nhà xưởng Hiệp Phước	200.000.000	-
Công trình văn phòng tại 396 Ung Văn Khiêm	17.969.617.351	15.086.774.161
Chi phí lãi vay được vốn hóa tài sản cố định	-	1.726.875.372
Công trình nhà xưởng tại Công ty TNHH MTV Cơ Khí SMC	32.547.566.835	17.133.024.538
<b>Cộng</b>	<b>69.054.075.063</b>	<b>72.438.504.144</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	30/6/2010	01/01/2010
<b>10. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh</b>		
Công ty Cổ phần Cơ khí Chiến Thắng	-	3.459.131.100
Công ty Cổ phần SX - TM Vật Tư Sao Việt (*)	1.708.571.673	1.913.123.461
<b>Cộng</b>	<b>1.708.571.673</b>	<b>5.372.254.561</b>
(*) Bao gồm:		
Đầu tư ban đầu	(**)	1.750.000.000
Khoản giảm tính theo phần sở hữu của Công ty tại Công ty cổ phần Sản xuất - Thương mại Vật tư Sao Việt		(41.428.327)
<b>Cộng</b>		<b>1.708.571.673</b>

(\*\*) Đầu tư dài hạn mua 175.000 cổ phần Công ty cổ phần SX - TM Vật Tư Sao Việt với giá mua 10.000 đồng/cổ phần. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010318 ngày 16/5/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, tỷ lệ đăng ký sở hữu của Công ty là 35% tương đương 3,5 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 30/6/2010, số vốn thực góp của Công ty là 1.750.000.000 đồng tương đương 17,5% vốn điều lệ. Trong 6 tháng đầu năm 2010, Công ty đã nhận được lợi nhuận năm 2009 được chia từ việc đầu tư này là 81.550.000 đồng.

	30/6/2010	01/01/2010
<b>11. Đầu tư dài hạn khác</b>		
Đầu tư dài hạn khác	82.332.207.200	80.542.207.200
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(5.825.079.200)	(5.825.079.200)
<b>Cộng</b>	<b>76.507.128.000</b>	<b>74.717.128.000</b>

(\*) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 30/6/2010

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Công ty Cổ phần Thép Pomina (trước đây là Công ty CP Thép - Thép Việt)	1.400.000	38.500.000.000	-	38.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nam Khang	450.000	9.875.000.000	-	9.875.000.000
Công ty Cổ phần Thép Biên Hoà	420.596	12.175.807.200	(4.605.079.200)	7.570.728.000
Công ty Cổ phần bê tông 620 Long An	50.000	500.000.000	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	100.000	2.720.000.000	(1.220.000.000)	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất	1.400.000	14.000.000.000	-	14.000.000.000
NH TMCP Công Thương Việt Nam	200.000	4.051.400.000	-	4.051.400.000
Nhà Máy Cơ Khí Luyện Kim	30.000	510.000.000	-	510.000.000
<b>Cộng</b>		<b>82.332.207.200</b>	<b>(5.825.079.200)</b>	<b>76.507.128.000</b>

	30/6/2010	01/01/2010
<b>12. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Phí hạ tầng KCN trả trước	766.867.010	785.802.004
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	28.242.767	32.553.966
Chi phí trả trước khác	39.420.534	360.242.084
<b>Cộng</b>	<b>834.530.311</b>	<b>1.178.598.054</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

<b>13. Tài sản dài hạn khác</b>	30/6/2010	01/01/2010
Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	1.908.888.800	1.908.888.800
Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	1.211.592.410	1.211.592.410
<b>Cộng</b>	<b>3.120.481.210</b>	<b>3.120.481.210</b>
<b>14. Lợi thế thương mại</b>	30/6/2010	01/01/2010
Giá trị còn lại của lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Hải Việt chờ phân bổ	8.519.295.933	9.035.616.433
<b>15. Vay và nợ ngắn hạn</b>	30/6/2010	01/01/2010
Vay ngân hàng	505.570.707.078	434.478.541.634
Vay cá nhân	59.391.566.000	58.769.566.000
Vay dài hạn đến hạn trả (21*)	8.557.606.126	8.197.537.671
<b>Cộng</b>	<b>573.519.879.204</b>	<b>501.445.645.305</b>

**Chi tiết các khoản nợ vay và nợ ngắn hạn**

	<b>Đầu năm</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Cuối kỳ</b>
NH Công Thương - CN Tp.HCM	163.668.324.575	642.243.663.741	669.335.298.748	136.576.689.568
NH TNHH MTV HSBC	40.000.000.000	676.000.000.000	562.000.000.000	154.000.000.000
NH TNHH MTV ANZ	82.137.693.235	350.080.821.999	336.818.515.234	95.400.000.000
NH Liên Việt - CN Tân Định	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
NH Nno & PTNT - CN Trảng An	8.184.007.824	4.950.909.423	13.134.917.247	-
NH Nno & PTNT - KCN Tân Thành	16.988.516.000	35.000.000.000	51.988.516.000	-
NH ĐT & PT VN - CN Phú Mỹ	20.000.000.000	40.000.000.000	60.000.000.000	-
NH TMCP XNK VN - CN Sài Gòn	53.500.000.000	117.083.337.633	133.989.320.123	36.594.017.510
NH Công Thương - CN Nhà Bè	20.000.000.000	63.000.000.000	70.000.000.000	13.000.000.000
NH TMCP Ngoại Thương VN	-	70.000.000.000	-	70.000.000.000
Vay cá nhân	58.769.566.000	9.632.000.000	9.010.000.000	59.391.566.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	8.197.537.671	4.374.471.043	4.014.402.588	8.557.606.126
<b>Cộng</b>	<b>501.445.645.305</b>	<b>2.012.365.203.839</b>	<b>1.940.290.969.940</b>	<b>573.519.879.204</b>

**Khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh** theo các hợp đồng vay:

- Hợp đồng vay ngắn hạn số 09.671001/HỆTDHM ngày 09/01/2009 và hợp đồng tín dụng bổ sung số 09.671001-07HỆTDBS ngày 03/6/2010 với hạn mức tín dụng là 500 tỷ đồng, trong đó hạn mức vay 212 tỷ đồng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất là nhà phố sẽ hình thành trong tương lai tại địa chỉ số 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh với giá trị ước tính là 50.498.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2010 là 88 tỷ đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

- Hợp đồng vay ngắn hạn số 10.674001/HĐTDHM ngày 04/01/2010 với hạn mức tín dụng 40 tỷ đồng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2010 là 462,540.83 USD tương đương 8.576.689.568 đồng.

- Hợp đồng vay ngắn hạn số 10.673001/HĐTDHM ngày 04/01/2010 với hạn mức tín dụng 90 tỷ đồng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2010 là 40 tỷ đồng.

**Khoản vay Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC** theo các thư đề nghị cung cấp tiện ích chung:

- Thư đề nghị tiện ích chung số VNM 100189 ngày 23/2/2010 với tiện ích hỗn hợp 140 tỷ đồng, lãi suất theo từng thư đề nghị cung cấp tiện ích. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2010 là 134 tỷ đồng.

- Thư đề nghị tiện ích chung số 090152570 ngày 03/6/2010 với tổng tiện ích 40 tỷ đồng, lãi suất theo từng thư đề nghị cung cấp tiện ích. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2010 là 20 tỷ đồng.

**Khoản vay Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam** theo hợp đồng vay ngắn hạn ngày 15/9/2009 với hạn mức tín dụng 5,000,000.00 USD, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2010 là 95,4 tỷ đồng.

**Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)** theo hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-201004379 ngày 19/5/2010 với hạn mức tín dụng 120 tỷ đồng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất số T00213/CN/05 tại Khu Công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2010 là 1,973,361.60 USD tương đương 36.594.017.510 đồng.

**Khoản vay Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh Nhà Bè** theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 10.070201-03/HĐTDHM ngày 28/6/2010 với hạn mức tín dụng là 13 tỷ đồng; lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là quyền sử dụng đất tại KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè với giá trị ước tính là 13,1 tỷ đồng. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2010 là 13 tỷ đồng.

**Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam** theo hợp đồng tín dụng số 0065/HK/10NH ngày 02/4/2010 và hợp đồng cho vay theo hạn mức ngày 24/5/2010 với hạn mức tín dụng là 135 tỷ đồng; lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2010 là 70 tỷ đồng.

**Các khoản vay cá nhân** được thực hiện theo từng biên bản thỏa thuận với thời hạn 01 năm, lãi suất huy động 1,00 %/tháng, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 25 của tháng.

<b>16. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước</b>	<b>30/6/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Phải trả người bán	428.938.226.915	514.134.999.062
Người mua trả tiền trước	223.939.532.994	184.612.363.690
Doanh thu chưa thực hiện	2.272.728	-
<b>Cộng</b>	<b>652.880.032.637</b>	<b>698.747.362.752</b>

  

<b>17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>30/6/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Thuế giá trị gia tăng	714.385.419	-
Thuế nhập khẩu	1.032.085.147	557.673.064
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.895.347.200	7.321.307.336
Thuế thu nhập cá nhân	612.988.286	63.670.083
<b>Cộng</b>	<b>13.254.806.052</b>	<b>7.942.650.483</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>18. Chi phí phải trả</b>	30/6/2010	01/01/2010
Chi phí lãi vay phải trả	1.044.588.882	1.003.106.947
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả tạm tính	1.068.025.256	1.068.025.256
<b>Cộng</b>	<b>2.112.614.138</b>	<b>2.071.132.203</b>
<b>19. Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	30/6/2010	01/01/2010
Kinh phí công đoàn	230.984.306	76.133.800
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-	17.743.881
Phải trả khác	146.520.625	120.511.880
<b>Cộng</b>	<b>377.504.931</b>	<b>214.389.561</b>
<b>20. Phải trả dài hạn khác</b>	30/6/2010	01/01/2010
Trần Thị Sen	754.000.000	754.000.000
Phạm Trọng Vinh	377.000.000	377.000.000
<b>Cộng</b>	<b>(*) 1.131.000.000</b>	<b>1.131.000.000</b>

(\*) Khoản tiền vay không lãi suất từ các cá nhân.

<b>21. Vay và nợ dài hạn</b>	30/6/2010	01/01/2010
Vay dài hạn ngân hàng	(21.1) 43.837.504.300	23.057.562.500
Nợ dài hạn	(21.2) 14.665.391.756	18.679.794.344
Cộng	58.502.896.056	41.737.356.844
Nợ dài hạn đến hạn trả	(*) (8.557.606.126)	(8.197.537.671)
<b>Cộng</b>	<b>49.945.289.930</b>	<b>33.539.819.173</b>

**(21.1) Chi tiết vay dài hạn ngân hàng:**

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối kỳ
NH Công Thương - CN Tp.HCM	23.057.562.500	20.779.941.800	-	43.837.504.300
Cộng	<b>23.057.562.500</b>	<b>20.779.941.800</b>	-	<b>43.837.504.300</b>

**Khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh** nhằm mục đích đầu tư xây dựng nhà máy cơ khí Thép SMC theo hợp đồng tín dụng số 09.675003/HĐTD.TDH ngày 30/7/2009 với hạn mức tín dụng là 99 tỷ đồng, lãi suất từ 12%/năm đến 15,3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Đến ngày 30/6/2010, số dư nợ vay là 43.837.504.300 đồng.

**(21.2)** Bao gồm các khoản nợ dài hạn phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê tài chính với:

Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	7.639.292.722
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	7.026.099.034
<b>Cộng</b>	<b>14.665.391.756</b>

Tài sản thuê tài chính đã được Công ty chuyển nhượng cho Công ty TNHH Thép SMC với giá chuyển nhượng bằng giá vốn. Các khoản nợ dài hạn liên quan đến các hợp đồng thuê tài chính đến hạn trả là 8.557.606.126 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**22. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	<b>Đầu năm</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Cuối kỳ</b>
Nguồn vốn kinh doanh	146.594.630.000	-	-	146.594.630.000
Thặng dư vốn cổ phần	59.924.599.600	-	-	59.924.599.600
Cổ phiếu quỹ	(142.489.800)	-	-	(*) (142.489.800)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.579.597.559)	5.839.845.464	2.249.448.717	(**) 2.010.799.188
Quỹ đầu tư phát triển	33.522.560.867	21.156.277.847	-	54.678.838.714
Quỹ dự phòng tài chính	6.319.754.537	3.042.443.193	-	9.362.197.730
Lợi nhuận chưa phân phối	64.533.139.228	50.455.943.289	42.399.088.418	72.589.994.099
<b>Cộng</b>	<b>309.172.596.873</b>	<b>80.494.509.793</b>	<b>44.648.537.135</b>	<b>345.018.569.531</b>

(\*) Tính đến thời điểm 30/6/2010, Công ty đã mua lại 6.718 cổ phần với giá mua 21.210 đồng/cổ phần làm cổ phiếu quỹ.

(\*\*) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ đối với các khoản tiền và tương đương tiền, các khoản công nợ ngắn hạn.

<b>Cổ phiếu</b>	<b>30/6/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	14.659.463	14.659.463
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	14.659.463	14.659.463
- Cổ phiếu thường	14.659.463	14.659.463
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu thường	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>14.652.745</b>	<b>14.652.745</b>
- Cổ phiếu thường	14.652.745	14.652.745
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận lũy kế đến 01/01/2010	64.533.139.228
Lợi nhuận sau thuế phát sinh 6 tháng đầu năm 2010	50.455.943.289
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(6.076.171.378)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	(3.042.443.193)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	(21.156.277.847)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	(402.000.000)
Trả cổ tức năm 2009	(11.722.196.000)
<b>Lợi nhuận lũy kế đến 30/6/2010</b>	<b>72.589.994.099</b>

**23. Lợi ích cổ đông thiểu số**

	<b>30/6/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số đầu tư vào Công ty Cổ phần Hải Việt	<b>3.014.682.085</b>	<b>2.598.899.411</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009
<b>24. Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	2.853.026.296.055	2.129.343.557.668
Doanh thu cung cấp dịch vụ (chủ yếu là dịch vụ cho thuê kho và dịch vụ lắp ráp)	1.336.231.770	
Cộng	<u>2.854.362.527.825</u>	<u>2.129.343.557.668</u>
- Hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán	(1.660.417.662)	(3.182.156.795)
<b>Cộng</b>	<b><u>2.852.702.110.163</u></b>	<b><u>2.126.161.400.873</u></b>
	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009
<b>25. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn thép các loại xuất bán trong năm và giá vốn dịch vụ	<u>2.721.866.221.862</u>	<u>2.066.183.465.432</u>
	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009
<b>26. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.171.331.595	3.135.609.584
Thu lãi ký quỹ	-	2.345.923.400
Hoàn nhập lãi ký quỹ năm 2009	(1.048.636.000)	-
Lãi bán chứng khoán	6.589.176.254	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	716.820.200	349.396.800
Lãi cho vay	478.578.730	139.343.750
Lãi chậm thanh toán	266.453.403	-
Lãi do chênh lệch tỷ giá	3.608.851.137	1.405.119.747
Doanh thu hoạt động tài chính khác	15.587.993	30.000
<b>Cộng</b>	<b><u>16.798.163.312</u></b>	<b><u>7.375.423.281</u></b>
	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009
<b>27. Chi phí hoạt động tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	38.756.232.393	8.883.420.514
Chi phí dự phòng (hoàn nhập) đầu tư tài chính	(955.787.442)	(3.205.795.272)
Lỗ bán chứng khoán	497.201.442	2.014.399.458
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.106.941.034	1.692.492.325
Chi phí tài chính khác	441.688.768	52.777.777
<b>Cộng</b>	<b><u>43.846.276.195</u></b>	<b><u>9.437.294.802</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009
<b>28. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	6.216.958.954	5.487.403.088
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	50.432.450	5.328.061
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.557.303.560	1.199.960.810
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.884.939.158	10.583.747.411
Chi phí khác bằng tiền	2.638.125.928	1.298.474.280
<b>Cộng</b>	<b>30.347.760.050</b>	<b>18.574.913.650</b>
<b>29. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	4.907.462.998	3.120.656.497
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	143.356.176	44.734.234
Thuế, phí và lệ phí	167.136.487	8.153.000
Chi phí khấu hao	2.387.153.352	871.615.064
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.202.837.320	3.467.136.580
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(75.000.000)	-
Phân bổ chi phí lợi thế thương mại	516.320.500	516.320.500
Chi phí khác bằng tiền	2.396.589.454	1.177.008.590
<b>Cộng</b>	<b>15.645.856.287</b>	<b>9.205.624.465</b>
<b>30. Thu nhập khác</b>		
Thuế thu nhập được giảm		397.948.889
Thu nhập do được hỗ trợ phí bảo lãnh	460.378.182	363.333.333
Thu tiền bồi thường	106.444.970	-
Thu nhập bán phế liệu, nhượng bán tài sản	888.399.727	935.334.045
Thu lãi quá hạn	53.871.725	291.195.420
Xử lý tài sản thừa do kiểm kê, công nợ	63.518.345	-
Hoàn nhập quỹ lương thừa năm 2009	243.603.589	-
Thu từ hoạt động khác	27.054.873	19.701.751
<b>Cộng</b>	<b>1.843.271.411</b>	<b>2.007.513.438</b>
<b>31. Chi phí khác</b>		
Chi phí lãi chậm nộp thuế TNDN	3.695.933	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, phá dỡ	678.982.857	911.802.455
Chi phí thuế nhà thầu phát sinh năm 2009	367.321.957	-
Chi phí khác	41.251.602	23.180.777
<b>Cộng</b>	<b>1.091.252.349</b>	<b>934.983.232</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009
<b>32. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	(*) <b>7.480.364.722</b>	<b>3.529.901.214</b>
(*) Bao gồm:		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		58.423.176.355
- Cộng các khoản chi phí không hợp lệ		150.934.509
- Cộng lỗ từ hoạt động đầu tư vào Công ty CP SX - TM Vật tư Sao Việt		123.001.788
- Cộng phân bổ lợi thế thương mại khi hợp nhất		516.320.500
- Trừ lãi chưa thực hiện năm 2009		(4.274.552.206)
- Trừ lỗ chưa thực hiện năm 2010		(297.704.287)
- Trừ lợi nhuận phát sinh từ Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC		(3.019.117.823)
- Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia		(716.820.200)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>		<b>50.905.238.636</b>
Thuế suất		25%
Thuế TNDN ước tính		12.726.309.661
Thuế TNDN được giảm tạm tính		(5.245.944.939)
<b>Thuế TNDN phải nộp ước tính</b>		<b>7.480.364.722</b>
	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009
<b>33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	50.455.943.289	27.500.922.691
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ động sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	50.455.943.289	27.500.922.691
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.652.745	10.990.059
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.443</b>	<b>2.502</b>

**VII. Thông tin khác**

**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính**

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

\_\_\_\_\_  
**NGUYỄN VĂN LÂM**

Kế toán trưởng

Ngày 01 tháng 8 năm 2010

\_\_\_\_\_  
**NGUYỄN NGỌC ANH**

Tổng Giám đốc